

BANG GIAO ĐẠI VIỆT - CHAMPA THẾ KỶ X-XV

(QUA NGUỒN TÀI LIỆU CHÍNH SỬ)^(*)

DINH ĐỨC TIẾN*

Năm “kẹp giữa” Trung Hoa và Champa, Đại Việt là một quốc gia định hình, phát triển trên cơ sở tiếp nhận những giá trị tiêu biểu từ hai nền văn minh lớn của nhân loại. Cũng chính vì vậy, chính sách ngoại giao của Đại Việt luôn uyển chuyển, mềm mỏng nhưng cương quyết, dứt khoát không chỉ với “thiên triều” Trung Hoa, mà còn cả đối với Champa cũng như nhiều nước trong khu vực. Quan hệ ngoại giao là dấu hiệu cho thấy vị thế, uy tín, sức mạnh, thái độ... của mỗi quốc gia với các nước láng giềng khác, nó mang đậm màu sắc chính trị. Không những thế, quan hệ ngoại giao còn tạo ra những dấu ấn trong các mối quan hệ khác trên nhiều lĩnh vực như: kinh tế, văn hóa, giáo dục,... Quan hệ giữa Đại Việt và Champa từ thế kỷ X đến XV là một bức tranh ngoại giao giàu màu sắc, đường nét trong tổng thể mối đan xen chằng chéo của khu vực Đông Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng. Đây là quan hệ ngoại giao của hai mô hình/thể chế chính trị khác nhau: giữa mô hình Đông Á tập quyền với mô hình Nam Á phân quyền; giữa tư tưởng Nho giáo với tư tưởng Bà La Môn giáo; giữa văn hóa lục địa với văn hóa biển... Nhưng cả hai mô hình lại “lựa chọn” hai quốc gia tiêu

biểu Đại Việt - Champa: có mối quan hệ láng giềng và cùng nằm trên một dải đất ven biển. Trên phương diện chính trị, quan hệ Đại Việt - Champa đã tạo ra nhiều dấu ấn quan trọng. Tuy nhiên, các nguồn sử liệu ghi chép cũng rất hạn chế, khuyết thiếu, nhiều thông tin không rõ ràng, bỏ lửng. Nguồn sử liệu Champa lại càng hạn chế hơn nữa. Để dựng lại một bức tranh tổng thể về quan hệ bang giao giữa hai nước chắc chắn sẽ không tránh được những thiếu sót. Căn cứ vào những ghi chép trong các tài liệu chính sử của Đại Việt cũng đủ cho thấy hoạt động bang giao giữa hai nước rất sôi động không kém so với quan hệ của Đại Việt với Trung Hoa. Các sứ đoàn, sứ thần, cống phẩm... liên tục được trao đổi giữa hai vương quốc Đại Việt - Champa trong nhiều thế kỷ. Nó chính là tiền đề để cho lịch sử của hai vương quốc có nhiều thay đổi trong những giai đoạn sau này.

1. Các sứ đoàn của Đại Việt đến Champa

Từ thế kỷ X đến XV, các sứ đoàn của Đại Việt đến Champa không nhiều như các sứ đoàn của Champa đến Đại Việt. Nguyên do là vị thế của Đại Việt đã khác trước rất nhiều. Trong giai đoạn này, Đại Việt đã trở thành

* TS. Trường ĐHKHX&NV - ĐHQG HN

một quốc gia độc lập, tự chủ và đang tiếp tục phát triển sức mạnh của mình (kinh tế, quân sự, uy thế chính trị...). Quan hệ với Trung Hoa, Đại Việt vẫn tỏ ra là một phiên thuộc chư hầu. Nhưng đối với Champa, Đại Việt chỉ coi họ là thuộc quốc dưới tầm kiểm soát của mình. Nên, nhiều chi tiết trong chính sử cho thấy, Đại Việt nhận sắc phong vương của Trung Hoa, nhưng đồng thời họ cũng ban chiếu để phong vương cho Champa. Những chi tiết các sứ đoàn đi sang Champa ghi chép rất sơ sài và không đầy đủ như với các sứ đoàn sang Trung Hoa. Mục *Bang giao chí* trong *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú, chỉ thấy ghi chép rất cụ thể chi tiết các sứ đoàn của Đại Việt sang Trung Hoa, mà không thấy ghi chép về các sứ đoàn Đại Việt sang Champa. Tuy nhiên, những thông tin trong chính sử cũng cho ta những dữ kiện cần thiết để nắm bắt các sứ đoàn không chỉ của riêng Đại Việt, mà còn cả Champa. Đầu tiên phải nhắc đến sự kiện năm 982, thời Tiền Lê, "vua thân đi đánh nước Chiêm Thành thắng được. Trước đây vua sai Từ Mục và Ngô Tử Canh sang sứ Chiêm Thành, bị họ bắt giữ" (1). Tuy nhiên, các nguồn sử liệu không ghi chép là sứ đoàn ta có bao nhiêu người sang Chăm/Chiêm và với mục đích gì. Sự kiện được ghi chép như là nguyên nhân dẫn đến việc động binh của Lê Hoàn sang Chiêm Thành.

Sang đến thời Lý, ta mới thấy đoàn sứ thứ hai sang Chiêm Thành, lần này là: "Giáp Tuất năm thứ 3 (1094), mùa xuân, tháng giêng, sai Hàn lâm học sĩ Mạc Hiến Tích sang sứ Chiêm Thành, đòi lễ tước cống" (2). Rồi đến: "Mậu Thân, Thiên Thuận năm thứ 1 (1128), mùa xuân, tháng giêng, ngày Giáp Thìn xuống chiếu cho Phi kỵ đô mang đi chiếu của Nhân tôn và việc vua lên ngôi sang báo cho Chiêm Thành" (3). Phải đến hơn 70 năm sau, ta mới thấy một sứ đoàn khác, sứ chép: "Kỷ Mùi, năm thứ 14 (1199),

mùa đông, tháng 10 vua ngự đến phủ Thanh Hóa bắt voi. Rồi sai sứ sang phong vua nước Chiêm Thành" (4). Tuy nhiên, sứ đoàn này chỉ ghi duy nhất có tên sứ thần Mạc Hiến Tích, còn không thấy ghi là đoàn có bao nhiêu người, đi bằng phương tiện gì...?

Vào thời Trần, các sứ đoàn cũng được cử sang Chiêm Thành không nhiều, nhưng nhiều chi tiết được ghi chép cụ thể hơn so với thời Lý. Có thể kể đến "Ất Dậu, năm thứ 7 (1285) (từ tháng 9 trở đi là năm Trùng Hưng thứ 1), tháng 6, sai Trung phẩm phụng ngự là Đặng Du Chi đưa bọn tế thần của Chiêm Thành là Bà lậu Kê Na Liên cộng 30 người về nước, vì đi theo Toa Đô mà bị bắt" (5). Một sự kiện được ghi chép khá cụ thể về sứ đoàn của Đoàn Nhữ Hài được vua Trần giao sang sứ Chiêm Thành. Vì là người tài giỏi, nên Nhữ Hài đã tạo được uy thế quốc gia Đại Việt với lân bang Chiêm Thành. Sử cũ còn chép rằng: "Quý Mão năm thứ 11 (1303). Lấy Đoàn Nhữ Hài làm Tham tri chính sự. Trước đây, vua sai Nhữ Hài đi sứ Chiêm Thành,... sứ nước ta sang Chiêm Thành đều lấy vua nước Chiêm trước, rồi sau mới mở chiếu thư. Khi Nhữ Hài đến, bưng ngay chiếu thư để lên án và bảo vua Chiêm Thành: Từ khi sứ giả đem chiếu thư của thiên tử đến, xa cách sáng lâu ngày, nay mở chiếu thư ra, hình như trông thấy mặt thiên tử, tôi phải lấy chiếu thư đã rồi mới tuyên đọc sau. Rồi lập tức hướng vào chiếu thư lay xuống. Lúc ấy vua nước Chiêm đứng ở bên cạnh, lay thế không khỏi có chút chưa ổn, nhưng lấy có là lấy tờ chiếu thì là thuận lẽ, mà sứ thần cũng không phải khuất. Ngày hôm sau, Nhữ Hài đem treo bằng cấm buôn ở sứ Ti Ni (7) (chỗ bến tàu ở Chiêm Thành, thuyền các nơi tụ họp ở đây), tuyên đọc xong, rồi treo lên, lại gọi người coi đến báo rằng: Chỗ này người buôn bán tụ họp phức tạp, lại là chỗ bến tàu xung yếu, khó giữ gìn, khi sứ thần về rồi, cắt bằng đi, dùng để cho mất. Là

ý nghĩ nước Chiêm Thành tuy đã thần phục, thực ra chưa chịu nội phục, cái bằng chứng ấy thế nào cũng vấp vào, cho nên tự mình nói trước ra, không để cho tự họ vấp vào đây. Sau này những người đi sứ Chiêm Thành không lấy vua nước Chiêm Thành là bắt đầu từ Nhữ Hải..." (8). Cũng giống thời Lý, phải đến khoảng gần 40 năm sau, mới thấy một sứ đoàn khác, người đứng đầu là Phạm Nguyên Hảng. Về sự kiện này, sử chép "Bính Tuất năm thứ 6 (1346), mùa xuân, tháng 2 sai Phạm Nguyên Hảng sang sứ Chiêm Thành, trách hỏi về việc thiếu lễ triều cống hàng năm" (9).

Thời Hồ, do tổn tại quá ngắn ngủi, nên chúng ta không thấy bất kỳ một sứ đoàn nào của Đại Việt sang Champa. Chỉ duy nhất, có sự kiện sứ đoàn do Hồ Quý Ly cử mang hai con voi trắng, đen sang cống cho nhà Minh để biện minh việc tiến đánh Chiêm Thành.

Thời Lê sơ, các sứ đoàn được cử sang Chiêm Thành cũng không nhiều. Mặc dù vậy, số lượng cũng như thông tin về các sứ đoàn nhiều hơn và chi tiết hơn hai thời Lý - Trần. Ngay trong năm 1427, có tới hai lần vua Lê cử sứ đoàn sang Chiêm Thành. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, thì: "năm Đinh Mùi (1427), nước Chiêm Thành sai sứ sang cống, ban yến, cho ngựa và lụa bảo vệ, sai Thiêm tri khu mật là Hà Lạt cùng đi" (10). Cùng trong năm đó, "tháng 8,... lấy Viên ngoại lang là Lê Khắc Hải và Bùi Tất Ung làm Chánh Phó sứ mang ngựa và đồ uống rượu bằng pha lê màu xanh trắng sang cho vua Chiêm Thành. Dụ cho các tướng hiệu quân nhân ở Tân Bình, Thuận Hóa rằng: Ngày xưa Chiêm Thành trái mệnh, lấn bờ cõi ta, cha ông các người hết lòng hết sức để báo đáp nhà nước, đánh giết bọn giặc, lấy lại bờ cõi, tiếng thơm công lớn lẫy lừng sử sách..." (11). Chỉ mấy năm sau, vào "Giáp Dần, Thiệu Bình năm thứ 1 (1434),... sai Chuyển vận là Lê Thọ Lão và Khởi cư là Thái Huệ Trù sang

sứ Chiêm Thành" (12). Sang năm 1448, liên tiếp các sứ đoàn được cử sang Chiêm Thành, nổi lên trong các sứ thần có Nguyễn Hữu Quang. Ông này, được nhắc tới trong 3 sự kiện là cùng với sứ thần của Chiêm sang Đại Việt. Sự kiện thứ nhất là "năm 1448, Bọn Nguyễn Hữu Quang từ Chiêm Thành về. Vua Chiêm sai bọn Bàn Đồi Thiêm, Chiêm Thập mang quốc thư và sản vật địa phương cùng đi với bọn Hữu Quang sang nước ta" (13). Sự kiện thứ hai, cũng trong năm 1448 này, "mùa thu, tháng 7... Sứ thần Chiêm Thành là bọn Bô Sa Phá Tham Tốt cùng đi với Nguyễn Hữu Quang sang" (14). Sự kiện thứ ba, sang đến năm 1449, một lần nữa, ta lại thấy viên sứ thần này được giao sang Chiêm. Sử chép: "Kỷ Tỵ năm thứ 7 (1449), tháng 3, người Chiêm Thành sang cống sản vật địa phương, xướng chiếu không nhận. Khi ấy em vua Chiêm Thành là Quý Do giam vua Quý Lai mà tự lập làm vua, sai bề tôi là bọn Giáo Nê Mỗ, Bàn Thoa sang tiến sản vật địa phương. Vua xem tờ biểu khước từ và nói: Tôi giết vua, em giết anh, là đại ác xưa nay, trăm không nhận đồ dâng. Sai trả lại hết cả, và sai Đồng tri Hữu ty sự là Nguyễn Hữu Quang, Điện trung thị ngự sử là Trình Ngự mang thư sang bảo rằng: Sự thực của các người thế nào phải sang nói rõ" (15). Việc đi lại nhiều lần giữa Đại Việt và Chiêm Thành của Nguyễn Hữu Quang cho chúng tôi những suy đoán sau. Có thể ông là người làm việc cần trọng, được vua tin dùng. Cũng có thể, do nhiều lần đến Chiêm Thành, nên ông thông hiểu về phong thổ, ngôn ngữ, con người vương quốc ấy. Bên cạnh các sự kiện liên quan đến sứ thần Nguyễn Hữu Quang, ta còn thấy một sự kiện nữa cũng xảy ra vào năm 1448. Sau khi Nguyễn Hữu Quang từ Champa về, thì năm 1449, vua lại "sai Thượng thư Trình Dục và Hàn lâm trực học sĩ Trịnh Kiên sang sứ Chiêm Thành, mang thư sang dụ và đòi lại người nước ta

trước ở Chiêm Thành" (16). Sau sự kiện sứ thần sang Chiêm Thành kể trên, cho đến hết thế kỷ XV, chúng ta không thấy sứ Việt chép thêm một sứ đoàn nào của Đại Việt nữa.

2. Các sứ đoàn của Champa đến Đại Việt

Khác với sứ đoàn của Đại Việt sang Champa, các sứ đoàn của Champa sang Đại Việt có số lượng nhiều và nổi trội hơn hẳn. Chủ yếu các sứ đoàn Champa sang để triều cống hoặc xin được phong tước, cũng có một trường hợp xin cầu viện quân sự để phục quốc. Căn cứ trên những ghi chép trong chính sử của Đại Việt, ta thấy các thông tin cũng không mấy đầy đủ, đôi khi chỉ nhắc đến việc sứ đoàn Chăm sang cống... Một số trường hợp có nhắc đến tên các sứ thần, số lượng người và cống phẩm. Nhưng cũng rất nhiều sự kiện không cung cấp những thông tin cơ bản kể trên. Mặc dù tán xuất các sự kiện Chiêm Thành sang triều cống khá nhiều, nhưng thông tin về các sứ đoàn cũng như các sứ thần khá ít. Vào thời Đinh, không thấy có sứ đoàn nào đến Đại Cồ Việt. Thời Tiền Lê, có một sự kiện duy nhất là vào năm 994, "cháu vua nước Chiêm Thành là Chế Cai vào châu. Trước đây nước Chiêm Thành sai Chế Đồng đem dâng sản vật địa phương, vua trách là trái lễ, không nhận. Vua nước Chiêm sợ, sai Chế Cai vào châu" (17).

Sang đến thời Lý, chỉ có một vài chi tiết về tên các sứ thần xuất hiện, như: "Giáp Thìn, năm thứ 5 (1124), tháng giêng, vua ngự đến hành cung Ứng Phong xem cày ruộng. Khi vua ngự ở hành cung, người nước Chiêm Thành là Cự Ông và 3 người em họ đến châu" (18). Hay, việc một viên quan Chiêm Thành/Champa đến xin vua sắc phong và trợ giúp để được làm vua. Trong trường hợp này, chúng tôi coi đây là một dạng sứ thần và chắc chắn ông này không chỉ có một mình, mà sau lưng ông ta còn có cả một phái bộ đông đảo, nên có ý đồ phục quốc. Nhưng, không giống với các sứ đoàn đến

triều cống vô danh kia, ông này lại được nhắc đến tên trong chính sử của Đại Việt: "Nhâm Thân, năm thứ 13 (1152), mùa đông, tháng 10, người nước Chiêm Thành là Ung Minh Ta Diệp đến cửa khuyết xin mệnh cho làm vua nước ấy" (19).

Sang đến thời Trần, thông tin ghi chép cũng có phần đầy đủ hơn thời Lý về tên các sứ thần cũng như cống phẩm. Có thể đề cập đến sự kiện năm "Bính Dần (1266), mùa xuân, tháng giêng, nước Chiêm Thành sai sứ thần là Bô Tinh, Bô Hoàng, Bô Đột sang cống" (20). Bên cạnh đây, "Nhâm Ngọ, năm thứ 4 (1282), mùa xuân, tháng 2, nước Chiêm Thành sai bốn Bô Bà La một trăm người sang dâng voi trắng" (21). Đến năm 1305, "tháng 2, Chiêm Thành sai Chế Bô Đài và bốn trăm người đem vàng bạc, hương quý, vật lạ để dâng làm lễ vật cầu hôn" (22). Ngoài ra, "Đinh Mùi năm thứ 15 (1307), mùa thu, tháng 9, con vua Chiêm Thành là Chế Đa Đa sai sứ thần là Bão Lộc Kê dâng voi trắng" (23). Đến nửa cuối thời Trần, còn xảy ra sự kiện cầu viện: "Nhâm Thìn (1352), mùa xuân, tháng 3, Chế Mỗ nước Chiêm Thành chạy sang nước ta, dâng voi trắng ngựa trắng mỗi thứ một con, một con kiến lớn (dài 1 thước 9 tấc) và các cống vật, xin nước ta đem quân đánh Trà Hòa Bố Đề mà lập y làm quốc vương" (24). Sự kiện cử sứ thần sang đòi đất, sử chép "Mậu Thân, năm thứ 11 (1368), tháng 2, Chiêm Thành sai Múc Bà Ma sang đòi lại đất biên giới Hóa Châu (25) cho thấy vương triều Trần đã đi vào con đường suy vi, nên để cho họ lấn lướt như vậy.

Trong giai đoạn nhà Hồ nắm quyền bính chỉ xảy ra một lần duy nhất, vua Chiêm Thành cử sứ đoàn sang Đại Việt dâng cống phẩm để cầu hòa, do thua cuộc trong trận đánh năm 1402. Chi tiết này được chép trong sử cũ như sau: "Nhâm Ngọ (1402), Hân Thương Thiệu thành thứ 2, mùa thu, tháng

7, Hán Thương đem đại quân đi đánh Chiêm Thành. Lấy Đỗ Mãn làm Đô tướng, Điện nội phán thủ Nguyễn Vĩ làm chiêu dụ sứ. Khi đại quân gần đến cõi nước Chiêm, Đinh Đại Trung cưỡi ngựa đi trước các quân, gặp tướng của giặc là Chế Cha Nan đánh nhau, giặc bị giết cả. Vua nước Chiêm Ba Đích Lại sợ, sai Bồ Diên dâng voi trắng voi đen mỗi thứ một con và các sản vật địa phương, lại dâng đất Chiêm động để xin rút quân. Bồ Diên đến Quý Ly bắt ép phải đổi tờ biểu là dâng nộp cả động Cổ Lũy" (26).

Thời Lê sơ, cũng giống như việc ghi chép các sứ thần Đại Việt sang Chiêm, các sứ thần Champa sang Đại Việt có thông tin tương đối đầy đủ hơn so với thời Lý - Trần. Việc ghi chép đầy đủ, chi tiết cũng cho thấy sự lép vế của các sứ đoàn Chiêm Thành khi sang triều cống Đại Việt. Nó cũng cho thấy tương quan sức mạnh giữa hai vương quốc và hệ tư tưởng của Đại Việt thay đổi, nên sứ thần Chiêm liên tục bị chất vấn hoặc bị hặc tội. Cùng với việc hặc tội, triều Lê cũng thường ban vật phẩm cho các sứ thần mang về. Việc ban phát lộc phẩm cho phép chúng ta hiểu, nhà Lê đang thể hiện lối ứng xử của nước lớn đối với nước nhỏ. Thông qua các sự kiện ghi chép trong chính sử như: "Mậu Thìn, năm thứ 6 (1448), bọn Nguyễn Hữu Quang tự Chiêm Thành về. Vua Chiêm sai bọn Bàn Đối Thiêm, Chiêm Thập mang quốc thư và sản vật địa phương cùng đi với bọn Hữu Quang sang nước ta. Ban yến ở Sử quán, sai Tư khấu là Lê Khắc Phục đứng chủ. Cho vua cũ của Chiêm Thành là Bí Cai mũ đai, y phục và cho dự yến. Khi sứ Chiêm Thành về, cho Chánh Phó sứ mỗi người một cái áo, 3 tấm lụa, Thông sự và hành nhân mỗi người hai tấm lụa, 19 người đi theo cộng 19 tấm lụa, nhân tiện sai mang thư ban về" (27). Cũng trong năm 1448, "mùa thu, tháng 7... Sứ thần Chiêm Thành là bọn Bồ Sa Phá Tham Tốt cùng đi với Nguyễn Hữu Quang

sang" (28). Sang năm sau, 1449 "tháng 3, người Chiêm Thành sang cống sản vật địa phương, xuống chiếu không nhận. Khi ấy em vua Chiêm Thành là Quý Do giam vua Quý Lai mà tự lập làm vua, sai bề tôi là bọn Giáo Nê Mổ, Bàn Thoa sang tiến sản vật địa phương" (29). Năm 1467, "tháng 2, ngày 15, xa giá đến hành điện Phi Lai. Bấy giờ sai sứ thần nước Chiêm là Thẩm Phác Lạc Sa sang tiến cống, vừa đến nơi, vua cho vào chầu ra mắt ở hành điện" (30). Cũng liên quan đến sứ đoàn này, vua Lê đã "sai Thượng thư Lê bộ Lê Hoàng Dục đặt yến đãi sứ thần Chiêm Thành ở quán Bắc sứ. Sai nội quan hỏi sứ thần nước Chiêm về lễ nước nhỏ kính thờ nước lớn. Sứ Chiêm Thành trả lời: Nước Chiêm tôi đối với thánh triều như là con nhỏ cậy cha mẹ, bảo thế nào thì theo thế. Song, thiên tử có lệnh truyền ngoài sổ cống thường lại phải cống thiếc nữa, đó là lệ mới, tôi không dám tự tiện trả lời. Cúi xin sai sứ sang hỏi quốc vương tôi để về vang cho nước dưới. Vua không theo" (31). Thông tin trong sự kiện này cho thấy tình hình các sứ đoàn, sứ thần Champa đến Đại Việt và các vấn đề liên quan như đã nói ở trên.

3. Tình hình triều cống của Champa với Đại Việt

Cống phẩm

Bên cạnh các sứ đoàn với những sứ thần được ghi danh cụ thể cũng như vai trò của họ trong việc bang giao giữa hai quốc gia, thì việc triều cống gần như chỉ diễn ra một chiều, Champa sang Đại Việt. Nguyên nhân như đã trình bày, là do sự lớn mạnh của Đại Việt từ sau thế kỷ X. Ngoài ra, một nguyên nhân khác liên quan đến mô hình chính trị của đất nước. Mô hình quan chủ tập quyền kiểu Nho giáo Trung Hoa mà Đại Việt tiếp nhận đã tỏ ra ưu thế hơn so với mô hình quan chủ phân quyền Mandala Ấn Độ mà Champa tiếp nhận. Trong cả giai đoạn từ thế kỷ X - XV, có thể thấy sứ Việt ghi chép

việc Chiêm Thành triều cống Đại Việt diễn ra nhiều lần và liên tục. Ngoài các sứ đoàn, danh tính các sứ thần ra, còn có các cống phẩm và mục đích của việc triều cống. Nhưng, giống như với thông tin ghi chép về các sứ đoàn, trong chính sử Đại Việt cũng thể hiện rất sơ sài tên các loại cống phẩm. Chúng ta chỉ thấy:

Thời Đinh - Tiền Lê chỉ có một lần Chiêm Thành triều cống vào năm 994, nhưng không thấy sử chép về cống phẩm. Sang đến thời Lý, việc ghi chép tên các loại cống phẩm có phần rõ ràng hơn, như năm 1011, “mùa hạ, tháng 4, nước Chiêm Thành dâng sư tử” (32) và vào các năm 1050, 1068, 1110, 1112, Chiêm Thành liên tiếp dâng voi trắng. Nhưng năm 1117, “mùa đông, tháng 10, Chiêm Thành dâng 3 đóa hoa bằng vàng” (33). Đặc biệt nhất, là cống phẩm của vua Chiêm cho vua Lý vào năm 1154, sử chép: “mùa đông, tháng 10, vua nước Chiêm Thành là Chế Bì La Bút dâng con gái, vua nhận” (34).

Vào thời Trần, sử liệu ghi chép về các loại cống phẩm cũng không đầy đủ, rõ ràng hơn thời Lý, mà còn có phần sơ sài hơn. Tuy nhiên, tên các cống phẩm cũng được nhắc đến vào các năm: 1269, “mùa xuân, tháng 2, nước Chiêm Thành dâng voi trắng” (35), 1282 “mùa xuân, tháng 2, nước Chiêm Thành sai bọn Bố Bà La một trăm người sang dâng voi trắng” (36); 1307, “mùa thu, tháng 9, con vua Chiêm Thành là Chế Đa Đa sai sứ thần là Bảo Lộc Kê dâng voi trắng” (37). Không riêng chỉ thời Lý, mà cả thời Trần, ta thấy cống phẩm là voi trắng xuất hiện khá nhiều. Có lẽ đây là một *mặt hàng* quý/hiếm đối với không chỉ Đại Việt, mà nhất là đối với Chiêm Thành (38). Nhưng theo chúng tôi, có lẽ cống phẩm quan trọng nhất vào thời Trần là lần sứ đoàn của Champa sang hội cưới công chúa Huyền Trân. Ngoài vật phẩm dẫn cưới như sử chép

vào năm 1305 “tháng 2, Chiêm Thành sai Chế Bồ Đài và bộ đảng hơn trăm người đem vàng bạc, hương quý, vật lạ để dâng làm lễ vật cầu hôn” (39) thì, “năm 1307, mùa xuân, tháng giêng. Đổi hai châu Ô Lý làm châu Thuận và châu Hóa, sai Hành khiển Đoàn Nhữ Hài đến vỗ yên nhân dân. Trước là vua Chiêm Thành Chế Mân đem đất hai châu ấy làm lễ vật dẫn cưới, người các thôn La Thủy, Tác Hồng, Đà Hồng không chịu theo, vua sai Nhữ Hài đến tuyên dụ đức ý của triều đình, chọn người trong bon chúng bỏ cho làm quan, lại cấp cho ruộng đất, tha tô thuế cho 3 năm để vỗ về” (40). Những phần đất mà Champa đưa sang Đại Việt ấy trở thành cống phẩm vô cùng quan trọng. Cống phẩm là đất đai ấy, không những mở rộng lãnh thổ Đại Việt, mà còn tạo ra vùng đệm an ninh biên giới phía Nam đối với Chiêm Thành. Ngoài ra, cống phẩm này chính là tiền đề, bàn đạp cho việc các triều đại sau này của Đại Việt di mở cõi về phương Nam.

Thời Hồ, chỉ xảy ra một lần Chiêm Thành triều cống vào năm 1402. Mặc dù chỉ có một sự kiện ít ỏi, nhưng số cống phẩm lại được sử ghi chép đầy đủ và chi tiết. Theo chúng tôi, số cống phẩm này vô cùng quan trọng đối với Đại Việt tại thời điểm đó cũng như sau này. Ngoài cống phẩm đơn thuần như sử chép “... vua nước Chiêm Ba Dịch Lai sợ, sai Bồ Điện dâng voi trắng voi đen mỗi thứ một con và các sản vật địa phương...”. Thì, vua Chiêm còn phải “... dâng đất Chiêm Động để xin rút quân. Bồ Điện đến Quý Ly bắt ép phải đổi tờ biểu là dâng nộp cả động Cổ Lũy” (41). Cống phẩm là đất đai, những phần lãnh thổ quan trọng để Đại Việt có thể tạo thế mà tiến dần vào phía Nam. Sau khi có được cống phẩm ấy, nhà Hồ đã nhanh chóng “chia đất ấy ra làm 4 châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, đặt An phủ sứ và Phó sứ lộ Thăng Hoa để cai trị, miễn đầu nguồn đất ấy thì đặt trấn Tân Ninh.

Chiêm Thành thu lấy những dân cận tiện đem về nước, còn người ở lại thì bỏ làm quan" (42).

Sang thời Lê sơ, việc ghi chép về các cống phẩm còn sơ sài và chung chung hơn thời Lý, Trần. Chỉ thấy ghi "năm 1427, mùa thu, tháng 7. Người Chiêm Thành dâng sản vật địa phương" (43). Năm 1434 "Chiêm Thành sai sứ mang thư và sản vật địa phương sang hiến để cầu hòa thân" (44). Năm 1448, "vua Chiêm sai bọn Bàn Đối Thiêm, Chiêm Thấp mang quốc thư và sản vật địa phương cùng đi với bọn Hữu Quang sang nước ta" (45). Tuy nhiên, bên cạnh việc Chiêm Thành dâng cống vật, thì vương triều Lê sơ cũng có quà ban cho sứ thần và vua Chăm. Điều này thể hiện uy thế và ứng xử có tính chất nước lớn với một thuộc quốc phiên bang. Vào năm 1427, 1435 vua Lê ban cho sứ thần ngựa, lụa tằm, đồ uống rượu bằng pha lê... Việc ghi chép về các vật phẩm mà vua Lê ban tặng cho vua Chiêm và các sứ thần, có lẽ phần nào thể hiện sự giàu có, phát triển hưng thịnh của đất nước. Vì vậy, cống phẩm là sản vật địa phương của Champa đối với Đại Việt chỉ mang tính biểu tượng thần phục, không được coi trọng về giá trị vật chất như hai thời Lý, Trần.

Lý do triều cống

Thế kỷ X-XIV, số lần Champa sang triều cống Đại Việt thay đổi nhiều - ít tùy thuộc vào từng giai đoạn nhất định. Sau thắng lợi về mặt quân sự trước nhà Tống, Nguyên ở phía Bắc và Champa ở phía Nam, thì Champa sang triều cống Đại Việt rất đều đặn. Không những thế, vào thời kỳ các vương triều của Đại Việt đang hưng thịnh, thì số lần triều cống cũng xuất hiện đều đặn hơn. Có thể thấy, thời Lý chẳng hạn, số lần triều cống chỉ diễn ra giữa nửa giai đoạn đầu của vương triều (khoảng từ năm 1011 đến năm 1199); triều Trần cũng như vậy, giai đoạn Chiêm Thành sang triều cống đều đặn/liên tục cũng chỉ từ năm 1228

đến sau cuộc hôn nhân giữa Chế Mân và Huyền Trân (năm 1306)...

Việc Champa triều cống Đại Việt trong giai đoạn thế kỷ X - XIV có nhiều mục đích khác nhau. Ngoài việc đơn thuần kết thân, giao hảo, hòa hiếu với nhà Tiền Lê, Lý, Trần ra thì còn có những lý do khác. Đó là, do Champa xét về tổng thể khi đó có thế lực yếu hơn Đại Việt về nhiều mặt (từ quyền lực chính trị của vua, tiềm lực kinh tế đến sức mạnh quân sự), nên việc triều cống để giảm hay xóa bỏ nguy cơ xung đột với Đại Việt. Các sứ đoàn, với các sứ thần được vua Chiêm cử sang triều cống Đại Việt để đổi lấy hòa bình, giải trừ nguy cơ xung đột quân sự. Không những thế, việc triều cống của Champa sang Đại Việt vào thời Tiền Lê, Lý, Trần (đặc biệt là thời Lý, Trần) còn để thực hiện các công việc khác như xin sắc phong tước, cầu viện, báo tang vua Chiêm mất hoặc liên quan đến chuyện hôn nhân (cầu hôn). Trong đó, nổi bật lên nhất là việc vua Champa là Chế Mân hỏi cưới công chúa Huyền Trân. Bên cạnh đó, mục đích triều cống lại không mang ý nghĩa cống nạp mà có ý đồ đổi lại những phần lãnh thổ của họ mất về tay các vương triều Lý, Trần. Tuy nhiên, việc này xảy ra không nhiều, lại chủ yếu xuất hiện vào giai đoạn mà các vương triều của Đại Việt đang suy vì nội bộ.

Sang đến thế kỷ XV, duy nhất có 1 lần Chiêm Thành triều cống vào thời nhà Hồ. Thời Lê sơ, vương triều vừa thắng lợi trước nhà Minh, lại đi vào con đường phát triển ổn định, đặc biệt là dưới thời vua Lê Thánh Tông. Sự kiện Lê Thánh Tông tấn công chinh đi đánh Chiêm năm 1471 đã đẩy Champa vào giai đoạn khủng hoảng rồi suy tàn. Chính vì vậy, việc Champa sang triều cống Đại Việt cũng chỉ diễn ra trong khoảng từ năm 1427 đến 1471 mà thôi.

So với triều đại Tiền Lê, Lý, Trần giai đoạn thế kỷ X - XIV, Champa triều cống Đại

Việt vào thời Hồ, Lê sơ cũng nhằm những mục đích tương tự. Ngoài việc triều cống để giao hảo, gìn giữ hòa bình ổn định thuần túy, thì cũng có những trường hợp nhằm hòa hoãn xung đột như thời Hồ năm 1402. Hoặc thời Lê sơ, năm 1434 "Chiêm Thành sai sứ mang thư và sản vật địa phương sang hiến để cầu hòa thân. Đại tư đồ Sát hời rằng: Nước người vào trộm đất ta mà bắt nhân dân châu Hóa là có gì? Trả lời rằng: Vua nước tôi nghe tin tiên đế băng hà, hoàng đế lên ngôi, hai nước chưa thông sứ đi lại, cho nên sai tướng quân đến đầu địa giới thăm hỏi tin tức. Tướng quân tự tiện trái lời dặn bảo, bắt trộm 6 người ở châu Hóa đem về. Vua nước tôi giận lắm, từ đại tướng trở xuống đều xử tội chặt chân cả, còn người đã bắt được thì đưa trả về cho tổng quản châu Hóa rồi, không dám xâm phạm đến. Triều đình biết là nói dối khéo, nhưng vì họ tự sai người sang, cho nên khoan dung không xét hỏi nữa" (46). Một vài trường hợp khác, do trong nội bộ vương quốc Champa có biến, nên vua mới muốn hợp thức địa vị, nên đã cử sứ đoàn sang triều cống, xin sắc phong tước. Sự kiện này xảy ra vào năm 1449, "tháng 3, người Chiêm Thành sang cống sản vật địa phương, xuống chiếu không nhận. Khi ấy em vua Chiêm Thành là Quý Do giam vua Quý Lai mà tự lập làm vua, sai bề tôi là bọn Giáo Nê Mỗ, Bàn Thoa sang tiến sản vật địa phương. Vua xem tờ biểu khước từ và nói: Tôi giết vua, em giết anh, là đại ác xưa nay, trăm không nhận đồ dâng. Sai trả lại hết cả, và sai Đồng tri Hữu ty sự là Nguyễn Hữu Quang, Điện trung thị ngự sử là Trình Ngự mang thư sang bảo rằng: Sự thực của các người thế nào phải sang nói rõ" (47).

Mục đích của Champa đối với Đại Việt thế kỷ XV sau những lần triều cống (bang giao) cũng có nhiều tương đồng với thế kỷ X - XIV. Một mặt thể hiện sự thần phục, kết giao giữa một nước nhỏ yếu thế đối với nước

lớn. Mặt khác để hòa hoãn, hóa giải xung đột và đôi khi xin phong tước, hợp thức hóa vị trí chính trị của mình. Trong suốt thời Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê sơ hoạt động bang giao trở nên sôi động, chen lẫn với các hoạt động quân sự (chiến tranh). Các sứ đoàn, sứ thần của hai nước Đại Việt, Champa không được chính sử cũng như tài liệu thành văn ghi chép rõ ràng, cụ thể. Mặc dù những thông tin ít ỏi ấy không cho biết chi tiết về các cuộc đi sứ của các sứ đoàn, nhưng nó cũng cho thấy vai trò của các sứ thần đối với uy thế và mục đích đặt ra của mỗi nước. Có thể thấy, thế kỷ X - XIV, các sứ đoàn Đại Việt sang Champa ít hơn là chiều ngược lại. Điều đó thể hiện uy thế lớn mạnh của Đại Việt so với Champa. Mục đích của các sứ đoàn Đại Việt thường là sang Champa để phong tước hoặc trách lời chuyện không triều cống đều dân Ngươc lại, các sứ thần Champa sang Đại Việt chủ yếu nhằm mục đích cầu thân, cầu hòa (khi có nguy cơ xung đột, hoặc xin chấm dứt xung đột), xin phong tước, xin cầu viện để phục quốc, hiếm hoi có lần sang đòi đất.

Đối với vấn đề triều cống, trong giai đoạn thế kỷ X - XIV, việc triều cống chỉ diễn ra một chiều, Champa sang Đại Việt. Các cống phẩm không nhiều, chủ yếu là voi trắng, sản vật địa phương... nhưng điều đó lại biểu trưng cho việc nước nhỏ, yếu phải thần phục nước lớn, mạnh hơn. Sang đến thế kỷ XV, hoạt động của các sứ đoàn - sứ thần cũng diễn ra rất sôi động, mặc dù chỉ diễn ra trong một khoảng thời gian không dài, lại bị gián đoạn bởi 20 năm Minh thuộc, nên số lần trao đổi sứ thần giữa hai vương quốc Đại Việt - Champa không nhiều như thời Lý, Trần. Tuy nhiên, tỷ lệ các sứ đoàn được cử đi khá cân bằng. Đây cũng là giai đoạn mà mô hình nhà nước Đại Việt dưới thời Lê sơ có nhiều thay đổi. Chính vì vậy, khi bang giao với Champa vai trò của các sứ đoàn Đại Việt luôn tạo được uy thế của nước lớn trước nước

nhỏ, yếu thế hơn. Các sứ đoàn Champa thường bị lấn lướt, lép vế mỗi khi sang Đại Việt. Mặc dù vậy, theo tôi, các sứ đoàn hai nước Đại Việt, Champa thế kỷ XV đều đã hoàn thành sứ mệnh của mình. Nhiều khi, sau những lần hặc tội, trách móc... vua nhà Lê vẫn phải ban tặng phẩm cho các sứ thần Champa khi họ trở về nước.

4. Tạm kết

Căn cứ trên những sự kiện thống kê được trong chính sử của Đại Việt (*Đại Việt sử ký toàn thư*), có thể thấy tần suất các sứ đoàn của hai vương quốc Đại Việt tỉ lệ với Champa như sau: vào thời Đinh (số lượng 0 : 0); Tiền Lê (số lượng 1 : 1); Lý (số lượng 3 : 17); Trần (số lượng 4 : 13). Riêng thời Trần, có sự kiện Thượng hoàng Trần Nhân Tông du Chiêm, chúng tôi không xếp vào các đoàn đi sứ. Mặc dù, đi theo ông, sứ đoàn thường có số lượng người không nhỏ. Bản thân Thượng Hoàng Trần Nhân Tông có thể được coi là Chánh sứ đặc biệt và chuyến du Chiêm này, cũng là thể hiện tình giao hảo giữa hai quốc gia. Nhưng do là trường hợp đặc thù, nên chúng tôi không xếp thành một sự kiện trao đổi các sứ đoàn thông thường.

Đại thể, các sứ đoàn của Đại Việt sang Champa thế kỷ X - XIV không nhiều, chủ yếu là thực hiện việc báo tin vua lên ngôi, như sự kiện năm 1128 "mùa xuân, tháng giêng, ngày Giáp Thìn xuống chiếu cho Phi kỵ đô mang đi chiếu của Nhân tôn và việc vua lên ngôi sang báo cho Chiêm Thành" (48), hoặc đem chiếu phong tước cho vua Chăm vào năm 1199. Đôi lần, Đại Việt cử sứ thần sang nhắc nhở, trách cứ về việc Champa không tiến hành triều cống, vào năm 1346. Điều này thể hiện vị thế, vai trò cũng như sức mạnh của Đại Việt trước Champa. Đặc biệt là, vào thời Trần, vai trò sứ thần của Đoàn Nhữ Hài đã bắt vua Chăm phải quỳ lạy để nhận chiếu thư, tiến lễ ấy chưa bao giờ xảy ra ở những lần sứ đoàn thời

trước. Và ngược lại, các sứ đoàn Champa đến Đại Việt trong giai đoạn này chủ yếu là dâng cống phẩm hoặc xin vua Đại Việt phong tước cho vua Chăm. Cũng có lần, Champa lợi dụng sự suy yếu của nhà Trần, cử sứ thần sang đòi đất vào năm 1368. Thời gian lưu trú của các sứ thần Champa trên đất Việt khoảng một vài tháng và triều đình Đại Việt thường cho họ tham gia các hoạt động hội hè của đất nước. Vẫn còn thấy sử chép, vào thời Lý năm "Mậu Tuất (1118), mùa thu, tháng 7, Chiêm Thành sang cống" (49) và sứ đoàn ấy ở đến tận "tháng 9, ngày Tân Tị, mở hội Thiên Phật để khánh thành chùa Thánh Nghiêm thánh thọ, cho sứ Chiêm Thành đến xem" (50). Năm 1126, sứ Chiêm Thành sang cống, "tháng 9, mở hội đèn Quảng chiếu ở Long Trì, xuống chiếu cho sứ thần Chiêm Thành xem" (51). Hoặc năm 1130, tháng 11 nước Chiêm Thành sang cống, sứ đoàn này lưu trú đến "tháng 12, vua đánh cầu ở Long Trì, cho sứ thần nước Chiêm Thành vào hầu xem" (52). Thời Trần, không thấy ghi về thời gian lưu trú cũng như hoạt động của các sứ đoàn cũng như sứ thần. Cũng giống với tình hình chung của vương triều Tiền Lê, Lý, Trần, các sứ đoàn Đại Việt và Champa thời Hồ và Lê sơ có tỉ lệ như sau: Hồ (số lượng 0 : 1); Lê sơ (số lượng 6 : 7). Nhìn con số có vẻ không nhiều, nhưng chỉ kéo dài trong thế kỷ XV, hơn nữa, còn bị gián đoạn bởi 20 năm Minh thuộc, vì vậy hoạt động của sứ đoàn hai nước diễn ra khá bận rộn, sôi nổi. Tuy nhiên, khác với thời Lý - Trần, cứ sau mỗi lần sứ đoàn Chiêm Thành sang triều cống, vua Lê lại cử sứ đoàn Đại Việt sang nên tần suất xuất hiện của các sứ đoàn có tỉ lệ khá cân đối.

Công việc các sứ đoàn cũng như sứ thần của Đại Việt, Champa thế kỷ XV về cơ bản cũng giống những thế kỷ trước. Tuy nhiên, do việc ghi chép thông tin trong chính sử đầy đủ hơn nên có thể hiểu rõ hơn về vị trí,

vai trò của các sứ đoàn cũng như các sứ thần. Đối với các sứ đoàn, sứ thần Đại Việt sang Champa chủ yếu mang theo sắc phong tước, thư trao đổi và vật phẩm mà vua Lê ban tặng cho vua Chiêm. Năm 1427, "tháng 8,... lấy Viên ngoại lang là Lê Khắc Hải và Bùi Tất Ứng làm Chánh Phó sứ mang ngựa và đồ uống rượu bằng pha lê màu xanh trắng sang cho vua Chiêm Thành" (53). Nhiều khi, các sứ đoàn, sứ thần Đại Việt sang đòi người bị Champa bắt, đó là sự kiện năm 1448, vua giao cho Thượng thư Trình Dục và Hàn lâm đại học sĩ Trịnh Kiên thực hiện việc này. Các sứ thần Champa sang Đại Việt chủ yếu mang cống phẩm để hòa hoãn xung đột vào thời Hồ, hoặc nhận lỗi do trái đạo lý của Nho giáo mà triều đình Lê sơ quan niệm. Phần lớn các sứ thần Champa sang Đại Việt vào thời Lê sơ đều yếu thế và chịu nhiều sức ép vì triều đình hay hặc tội, chất vấn về đạo lý, lễ giáo. Tuy nhiên, các sứ thần Champa cũng được tiếp đón khá chu đáo. Như việc họ được vua Lê cho vào gặp ở hành điện Phi Lai vào năm 1467. Rồi, cũng sứ đoàn này, còn được vua Lê ban yến tiệc ở sứ quán. Nhiều sứ đoàn Champa trước khi lên đường về nước còn được nhận quà vua ban (nhất là đối với các Chánh Phó sứ).

Hoạt động bang giao giữa Đại Việt Champa giai đoạn thế kỷ X - XV diễn ra khá sôi động với số lượng khá nhiều những chuyến đi lại của các sứ đoàn, sứ thần hai nước. Vai trò cá nhân của sứ thần nói riêng và sứ đoàn nói chung là rất quan trọng đối với uy thế của mỗi đất nước. Từ đó nó ảnh hưởng đến cục diện quan hệ của Đại Việt với Champa. Các sứ thần thời Tiền Lê, Lý, Trần của Đại Việt đã làm tốt vai trò của mình, trong đó nổi lên nhân vật Đoàn Nhữ Hài. Các sứ thần Champa cũng thực hiện tốt vai trò của mình, để rồi vua Lý đã cho họ tham gia các hoạt động văn hóa của đất nước. Hay vua Trần đã phải thực thiện lời

hứa gả Huyền Trân cho Chế Mân. Giống với thời Tiền Lê, Lý, Trần, các sứ thần thời Hồ, Lê sơ đã tạo nên không khí ngoại giao sôi động đối với cả hai nước, mặc dù chỉ diễn ra trong chưa đầy một thế kỷ. Các sứ đoàn, sứ thần Đại Việt đã hoàn thành tốt trọng trách của mình, nổi bật lên vai trò của Nguyễn Hữu Quang, người đã xuất hiện trong rất nhiều sự kiện đi sứ. Đối với các sứ thần Champa, mặc dù bị hặc tội, chịu lép vế, nhưng vua Lê cũng không dám coi thường họ, chính vì vậy mà vẫn có đón tiếp long trọng, tặng quà khi về nước.

Nói tóm lại, từ thế kỷ X đến XV, quan hệ bang giao giữa Đại Việt và Champa không được đề cập rõ ràng, bài bản giống như quan hệ giữa Đại Việt với Trung Hoa. Do vị trí của Trung Hoa trong con mắt của các sứ giả Đại Việt luôn được đề cao, nên đặc biệt được ghi chép chi tiết trong các tài liệu chính sử. Bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú, mục *Bang giao chí* chỉ ghi chép lại hoạt động của sứ đoàn, sứ thần giữa hai nước Đại Việt và Trung Hoa, không đề cập đến bang giao với Champa. Những ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư* lại rất sơ sài, nhiều lúc không rõ ràng. Tuy nhiên, những ghi chép sơ sài sơ sài, ít ỏi, có phần vụn vặt ấy lại xuất hiện khá nhiều lần, nên theo tôi, quan hệ của hai vương quốc Đại Việt - Champa trong giai đoạn lịch sử này sôi động không kém so với quan hệ giữa Đại Việt với Trung Hoa. Nhiều vương triều, mối quan hệ ngoại giao giữa hai vương quốc còn rất bình đẳng, có nhiều đóng góp cho hòa bình và sự phát triển chung, đặc biệt là hai vương triều Lý, Trần. Chính sự bình đẳng, nên vào thời Lý, Trần quan hệ bang giao đã tạo được nhiều dấu ấn giữa hai vương quốc; Đại Việt đã tiếp nhận nhiều yếu tố văn hóa Champa để làm phong phú thêm văn hóa của mình. Sang thời Lê sơ, Đại Việt có nhiều biến đổi mạnh mẽ về nội tại. Sau

chiến công đánh thắng nhà Minh, nhà Lê đã tiếp thu tư tưởng Nho giáo và cố định hình quan niệm “man di” mà thể hiện uy thế “kẻ cả” với Champa. Các hoạt động bang giao trở nên bất bình đẳng, tạo nên những nguyên cớ ngầm cho Champa hành động chống đối Đại Việt khi có cơ hội. Theo tôi, sự đổ vỡ về bang giao giữa hai vương quốc thế kỷ XV đã trở thành lý do trực tiếp để Lê Thánh Tông mở cuộc tấn công Champa năm 1471. Cuộc tấn công năm 1471 (54) của Lê Thánh Tông đã gây những hệ quả tồn tại nặng nề cho Champa trên nhiều phương diện: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... và đặc biệt là gần như lãnh thổ của vương quốc bị sáp nhập về Đại Việt.

CHÚ THÍCH

(*) Bài viết này là sản phẩm của đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2016: *Quan hệ Đại Việt - Champa trong bối cảnh lịch sử Việt Nam thời Trung đại*, mã số CS.2016.13, do TS. Đinh Đức Tiến làm chủ nhiệm

(1). Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, tập 1, tr. 160.

(2), (3), (4), (17), (18), (19), (32), (33), (34), (48), (49), (50), (51), (52). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sđd, tr. 242, 260, 298, 175, 253, 285, 193, 248, 285, 260, 249, 249, 255, 267.

(5). Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tập 2, tr. 62.

(6). Tị Nị: Cũng gọi là Thi lệ bị nại, gọi tắt là Thi nai, tức là cửa Quy Nhơn ngày nay.

(7), (8), (20), (21), (22), (23), (24), (25), (26), (35), (36), (37), (39), (40), (41), (42). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, sđd, tr. 98-99, 150, 38, 52, 100, 103, 154, 168, 232, 40, 52, 103, 100, 103, 232-233, 232-233.

Mặc dù sau quá trình bang giao là những tranh chấp, xung đột giữa hai vương quốc, hệ quả đó đã dẫn đến sự tiêu vong của vương quốc Champa; nhưng, chính quan hệ bang giao giữa hai vương quốc đã đặt nền tảng vô cùng quan trọng cho quá trình giao thoa - tiếp biến văn hóa Chăm - Việt và thống nhất lãnh thổ, quốc gia, dân tộc Việt Nam. Có thể nhận định rằng, quan hệ ngoại giao giữa Đại Việt - Champa từ thế kỷ X đến thế kỷ XV đã hoàn thành vai trò, sứ mệnh lịch sử của nó đối với sự hưng vong và phát triển của hai quốc gia. Sự chấm dứt của vương quốc Champa trong lịch sử chính là sự mở đầu cho sự định hình và phát triển của dân tộc Việt Nam sau này.

(9). Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, tập 3, tr. 32.

(10), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (27), (28), (29), (30), (31), (43), (44), (45), (46), (47), (53). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 3, sđd, tr. 40-41, 40-41, 94, 140, 156, 151, 157, 140-141, 156-157, 151, 202, 204, 40, 94, 140-141, 94, 151, 40.

(38). Theo quan niệm của Ấn Độ giáo, thì voi trắng chính là vật thiêng - thần linh, thần phương hướng và là vật cưỡi của Indra.

(54). Niên điểm năm 1471 đã được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước coi là một dấu mốc quan trọng trong quan hệ giữa hai nước nói chung và quan hệ ngoại giao nói riêng. Sau trận đánh này, Champa đã gần như mất toàn bộ lãnh thổ về tay Đại Việt. Mặc dù sau này, Champa có những gắng gượng để phục hưng lại đất nước, chống lại sự xâm lấn của Đại Việt, nhưng tất cả đã quá muộn màng. Sau thời Lê sơ, các chúa Nguyễn vào mở cõi đã hoàn tất công việc xâm lấn, sáp nhập và thống nhất lãnh thổ cho Đại Việt.